TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1023/2024/HS-PT
Ngày 26 tháng 12 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đặng Thị Thơm;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Phan Nam;

Ông Phạm Văn Lợi.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Triệu Hương Thùy, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Hưng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm - Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần - Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 1254/2024/TLPT-HS ngày 31 tháng 10 năm 2024, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2024/HS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- *Các bị cáo có kháng cáo*:

1. Nguyễn Tiến D (tên gọi khác: Không), sinh ngày 03/5/1967 tại tỉnh Thái Nguyên; giới tính: Nam; nơi cư trú: Tổ dân phố Q, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện S thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 10/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, sinh hoạt tại Chi bộ Văn phòng đăng ký đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T (Ngày 16/6/2023, Đảng uỷ Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh ra Quyết định số 71/QĐ/ĐUK đình chỉ sinh hoạt đảng); con ông Nguyễn Tiếp D1 và bà Thạch Thị T; có vợ là Đặng Thị V và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 19/01/2023, bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T khởi tố về tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng. Bị cáo bị tạm giữ, tạm

giam từ ngày 28/9/2023 đến ngày 05/5/2024, hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại; vắng mặt tại phiên tòa.

2. Đào Thị T1 (tên gọi khác: Không), sinh ngày 27/11/1977 tại tỉnh Tuyên Quang; giới tính: Nữ; nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Nguyên Phó Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện S thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, sinh hoạt tại Chi bộ Văn phòng Đăng ký đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T (Ngày 11/7/2023, Đảng uỷ Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh ra Quyết định số 72/QĐ/ĐUK đình chỉ sinh hoạt đảng); con ông Đào Văn D2 và bà Tô Thị V1; có chồng là Đào Văn T2 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/7/2023 đến ngày 05/5/2024, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn T3 (tên gọi khác: Không), sinh ngày 27/7/1962 tại tỉnh Tuyên Quang; giới tính: Nam; nơi cư trú: Thôn C, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Cán bộ nghỉ hưu (nguyên Phó Chủ tịch UBND xã S, huyện S); trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 10/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, sinh hoạt tại Chi bộ thôn C, thuộc đảng bộ xã X, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (Ngày 08/4/2024, UBKT huyện ủy huyện S ra Quyết định số 145/QĐ/UBKT đình chỉ sinh hoạt đảng); con ông Nguyễn Văn L và bà Mai Thị N (đều đã chết); có vợ là Hoàng Thị N1 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/3/2024 tại Trại tạm giam Công an tỉnh T; có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho các bị cáo (do Tòa án chỉ định):* Luật sư Nguyễn Thế T4 – Công ty L2, thuộc Đoàn luật sư thành phố H; có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Nguyễn Xuân Q, Đỗ Duy T5, Nông Minh H, Trần Văn N2, Mạc Đức T6, đều bị kết án về tội "Giả mạo trong công tác"; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân (UBND) huyện S, tỉnh Tuyên Quang và ông Đặng L1 không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị; bị cáo Nguyễn Tuấn H1 bị kết án về tội "Giả mạo trong công tác" có kháng cáo, tuy nhiên đã rút toàn bộ kháng cáo trước khi mở phiên tòa phúc thẩm nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dự án xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai

trên địa bàn huyện S được triển khai thực hiện từ cuối năm 2011 đến ngày 31/12/2018 thì nghiệm thu, kết thúc (theo Văn bản số 3075/UBND-TNMT ngày 02/10/2017 của UBND tỉnh T), chủ đầu tư là Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T. Trong đó, Công ty TNHH một thành viên T7 bản đồ thuộc Bộ Q1 (do Xí nghiệp chụp ảnh hàng không làm đại diện) đã trúng thầu thi công Gói thầu số 5 của Dự án là Xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, với các nhiệm vụ cụ thể: *Lập lưới địa chính; thành lập bản đồ địa chính; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đất đai trên địa bàn xã S, huyện S*. Theo Văn bản số 589 ngày 16/7/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T và UBND huyện S quy định về trình tự xét, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Dự án xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn huyện S, thì hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thực hiện gồm 05 bước. Trong đó, từ bước 1 đến bước 4 do UBND xã chủ trì, phối hợp với Đơn vị thi công thực hiện; bước 5 do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện S (từ tháng 10/2015 đổi tên là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện S) chủ trì, phối hợp với Đơn vị thi công thực hiện. Tính đến tháng 10/2014, UBND xã S đã chủ trì, phối hợp với Đơn vị thi công hoàn thành việc họp xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là Giấy chứng nhận QSDĐ) trên địa bàn xã theo Dự án và bàn giao toàn bộ các hồ sơ đủ điều kiện cho Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện S thẩm định (lần bàn giao hồ sơ cuối cùng là ngày 13/4/2015).

Tháng 02/2018, Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1983, là Nhân viên Xí nghiệp chụp ảnh hàng không được lãnh đạo Đơn vị thi công phân công phối hợp với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện S thực hiện rà soát, hoàn thiện các hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận QSDĐ đã được UBND xã S họp xét đủ điều kiện, để Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện S thẩm định, trình ký Giấy chứng nhận QSDĐ theo quy định (trước đó Q được phân công thực hiện nhiệm vụ tại xã Đ, huyện S); đồng thời ngày 18/8/2018 Q được lãnh đạo Đơn vị thi công giao cho quản lý 1.000 phôi Giấy chứng nhận QSDĐ để phục vụ Dự án. Đến ngày 31/12/2018, Dự án xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai trên địa bàn huyện S kết thúc; việc cấp Giấy chứng nhận QSDĐ trên địa bàn huyện S được chuyển sang làm theo thủ tục hành chính về đất đai thông thường, không được làm thủ tục theo Dự án nữa. Lúc này Q tiếp tục được lãnh đạo Đơn vị thi công giao nhiệm vụ phối hợp với Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện S sửa chữa, khắc phục nhưng sai sót, hoàn thiện khối lượng công việc hoàn thành đã được nghiệm thu; riêng các hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận QSDĐ được phân loại, xử lý như sau: (1) Đối với hồ sơ đã ký, đóng dấu Giấy chứng nhận QSDĐ nhưng chưa giao cho người sử dụng đất thì tách Giấy chứng nhận QSDĐ để giao cho người sử dụng đất theo quy định; còn

hồ sơ được sắp xếp, lưu giữ, bảo quản tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện S. (2) Đối với hồ sơ đã ký Giấy chứng nhận QSDĐ nhưng chưa đóng dấu phát hành thì tổng hợp, báo cáo đề xuất đóng dấu để phát hành, trao cho người sử dụng đất theo quy định. (3) Đối các hồ sơ còn lại gồm: Hồ sơ đã thẩm định đủ điều kiện nhưng chưa in, trình ký Giấy chứng nhận QSDĐ; Hồ sơ không đủ điều kiện; Hồ sơ chưa thẩm định thì hủy bỏ và thông báo cho người sử dụng đất biết. Nếu người sử dụng đất tiếp tục có nhu cầu làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận QSDĐ thì chuyển sang làm theo thủ tục hành chính thông thường.

Lợi dụng Dự án xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn huyện S, lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao, vì động cơ vụ lợi cá nhân Nguyễn Tiến D, sinh năm 1967, Giám đốc và Đào Thị T1, sinh năm 1977, Phó Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện S; Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1983, là Nhân viên Xí nghiệp chụp ảnh hàng không (Đơn vị thi công); Đỗ Duy T5, sinh năm 1978, Công chức Địa chính xây dựng xã S (Uỷ viên Ban Chỉ đạo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn xã S); Trần Văn N2, sinh năm 1972 (nguyên là Công chức Địa chính đất đai xã S); Nguyễn Văn T3, sinh năm 1962, Phó Chủ tịch UBND xã S; Mạc Đức T6, sinh năm 1990 (nguyên là Cán bộ tăng cường tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện S); Nguyễn Tuấn H1, sinh năm 1979, Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện S; Nông Minh H, sinh năm 1963, nguyên Phó Chủ tịch UBND huyện S đã câu kết thực hiện hành vi tạo lập khống các hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận QSDĐ để làm các Giấy chứng nhận QSDĐ giả nhằm cấp cho một số người dân ở xã S, huyện S. Trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến năm 2019, Nguyễn Tiến D, Đào Thị T1, Nguyễn Xuân Q, Đỗ Duy T5, Trần Văn N2, Nguyễn Văn T3, Mạc Đức T6, Nguyễn Tuấn H1, Nông Minh H đã có hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao, tạo lập khống 48 hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận QSDĐ để làm 48 Giấy chứng nhận QSDĐ giả nhằm cấp cho một số người dân xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Trong đó: Q, T3, T6 tham gia tạo lập khống 48 hồ sơ để làm 48 Giấy chứng nhận QSDĐ giả; D, T1, H1, H tham gia tạo lập khống 46 hồ sơ để làm 46 Giấy chứng nhận QSDĐ giả; Thêm tham gia tạo lập khống 32 hồ sơ để làm 32 Giấy chứng nhận QSDĐ giả; Năm tham gia tạo lập khống 16 hồ sơ để làm 16 Giấy chứng nhận QSDĐ giả.

Tại Bản cáo trạng số 47/CT-VKSTQ-P1 ngày 28 tháng 7 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố các bị cáo Nguyễn Tiến D, Đào Thị T1, Nguyễn Văn T3 về tội "Giả mạo trong công tác" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 359 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2024/HS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Tiến D, Đào Thị T1, Nguyễn Văn T3 phạm

tội "Giả mạo trong công tác".

1. Căn cứ điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 359; điểm v, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 57, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Tiến D** 07 (bẩy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 28/9/2023 đến ngày 05/5/2024.

Cấm bị cáo hành nghề, đảm nhiệm chức vụ quản lý trong lĩnh vực quản lý, đăng ký đất đai trong thời hạn 02 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2. Căn cứ điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 359; điểm b, v, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 57; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Đào Thị T1** 07 (bẩy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 04/7/2023 đến ngày 05/5/2024.

Cấm bị cáo hành nghề, đảm nhiệm chức vụ quản lý trong lĩnh vực quản lý, đăng ký đất đai trong thời hạn 02 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

3. Căn cứ điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 359; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 57; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T3 05** (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 28/3/2024.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Xuân Q, Nông Minh H, Đỗ Duy T5, Trần Văn N2, Mạc Đức T6, Nguyễn Tuấn H1; quyết định về trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng; án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/9/2024, bị cáo Nguyễn Văn T3 kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 02/10/2024, bị cáo Nguyễn Tiến D kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 03/10/2024, bị cáo Đào Thị T1 kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 30/9/2024, bị cáo Nguyễn Tuấn H1 kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 14/10/2024, bị cáo Nguyễn Tuấn H1 có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo. Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã ban hành Quyết định số 83/2024/HSPT-QĐ ngày 10/12/2024 đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tuấn H1, quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2024/HS-ST ngày 21/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Tuấn H1 có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo Nguyễn Tiến D vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do. Các bị cáo Đào Thị T1, Nguyễn Văn T3 giữ nguyên kháng cáo, thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội, các bị cáo đều cho rằng bị Tòa án cấp sơ thẩm kết án về tội "Giả mạo trong công tác" theo điểm a khoản 4 Điều 359 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, tuy nhiên mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo là nặng, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Bị cáo Nguyễn Tiến D vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do; tuy nhiên, bị cáo đã được triệu tập hợp lệ, việc vắng mặt bị cáo không gây trở ngại cho việc xét xử phúc thẩm, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo Nguyễn Tiến D.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Đào Thị T1, Nguyễn Văn T3 đều thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm quy kết; căn cứ kết quả điều tra, lời khai nhận của các bị cáo, lời khai của những người có liên quan, kết quả thu thập tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ để xác định hành vi phạm tội của các bị cáo như cấp sơ thẩm đã xét xử và quy kết các bị cáo Nguyễn Tiến D, Đào Thị T1, Nguyễn Văn T3 về tội "Giả mạo trong công tác" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 359 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan.

Về hình phạt đối với các bị cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn T3, Nguyễn Tiến D không xuất trình thêm được tình tiết mới để xem xét, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với các bị cáo. Đối với bị cáo Đào Thị T1, tại phiên tòa xuất trình thêm tài liệu thể hiện hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, được UBND thị trấn S, huyện S xác nhận; bố mẹ bị cáo là người có công với cách mạng hiện đã tuổi cao (đều trên 80 tuổi), sức khỏe yếu, bản thân bị cáo bị bệnh tiểu đường tuýp 2 và phải nuôi hai con nhỏ đang trong độ tuổi đi học, bị cáo có nhiều thành tích xuất sắc trong thời gian công tác và tích cực tham gia các hoạt động thiện nguyện tại địa phương, đây là các tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Đào Thị T1.

Người bào chữa cho các bị cáo trình bày: Đồng ý với tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết đối với các bị cáo. Về hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quyết định xử phạt đối với các bị cáo mức án như đã tuyên là có căn cứ. Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo đều nhận thức được hành vi đã thực

hiện là vi phạm pháp luật; các bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; bị cáo Đào Thị T1 hoàn cảnh gia đình khó khăn, bố mẹ già yếu, bản thân bị cáo sức khỏe hiện tại bị tổn hại trên 80%, con của bị cáo còn nhỏ; các bị cáo có nhiều thành tích trong quá trình công tác, gia đình đều có người có công với cách mạng; các tài liệu do các bị cáo giả mạo tạo lập đều chưa được phát hành. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, tạo cơ hội cho các bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

Căn cứ các tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, trình bày của luật sư, bị cáo,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm các cơ quan và người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định thẩm quyền xét xử vụ án đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 269 Bộ luật Tố tụng hình sự; xác định đúng, đầy đủ tư cách người tham gia tố tụng theo quy định của luật tố tụng. Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Tiến D, Đào Thị T1, Nguyễn Văn T3 trong hạn luật định, nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

[1.2] Đối với bị cáo Nguyễn Tiến D vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do; vợ của bị cáo là bà Đặng Thị V có mặt tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa nhưng không xuất trình được tài liệu chứng minh cho đề nghị xin hoãn phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy các thủ tục triệu tập đối với bị cáo Nguyễn Tiến D đã được thực hiện đúng pháp luật; bị cáo đã có lời khai đầy đủ trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm; nhận thấy, việc vắng mặt bị cáo không gây trở ngại cho việc xét xử phúc thẩm, trên cơ sở đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo Nguyễn Tiến D.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Đào Thị T1, Nguyễn Văn T3 đã thừa nhận hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm quy kết, phù hợp với lời khai của chính các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm; phù hợp lời khai của các bị cáo khác trong cùng vụ án; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; kết luận giám định, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến năm 2019, lợi dụng Dự án xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn huyện S, Nguyễn Tiến D, Đào Thị T1 và Nguyễn Văn T3 cùng các bị cáo khác nguyên là nhân viên Xí nghiệp chụp ảnh hàng không, Đơn vị thi công Dự án; Phó Chủ

tịch UBND huyện S, Phó Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh T; Công chức Địa chính xây dựng xã S; Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện S; cán bộ tăng cường tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện S và Công chức Địa chính đất đai xã S, đều là những người có chức vụ, quyền hạn liên quan đến xác nhận, kiểm tra, thẩm định hồ sơ cấp đề nghị cấp Giấy chứng nhận QSDĐ, ký phát hành Giấy chứng nhận QSDĐ, vì động cơ vụ lợi, nể nang, lợi dụng chức vụ, quyền hạn câu kết tạo lập khống 48 hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận QSDĐ để làm 48 Giấy chứng nhận QSDĐ giả nhằm cấp cho một số người dân trên địa bàn xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Trong đó:

(1). Nguyễn Tiến D, nguyên Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện S, đã có hành vi câu kết với Đào Thị T1, Nguyễn Xuân Q tạo lập khống 46 hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận QSDĐ, bị cáo ký xác nhận thẩm định và trực tiếp trình bị cáo Nông Minh H ký 46 Giấy chứng nhận QSDĐ giả nhằm cấp cho một số người dân ở xã S, huyện S.

(2). Đào Thị T1, nguyên Phó Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện S, đã có hành vi câu kết với Nguyễn Tiến D, Nguyễn Xuân Q tạo lập khống 46 hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận QSDĐ, bị cáo tiếp nhận 46 hồ sơ khi dự án đã kết thúc, chuyển hồ sơ cho bị cáo D ký xác nhận, đi cùng bị cáo D trình bị cáo H ký 46 Giấy chứng nhận QSDĐ giả, sửa chữa ngày tháng trong 02 tờ trình 284a và 284b, trực tiếp thực hiện việc đóng dấu vào các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mà bị cáo H đã ký, nhằm cấp cho một số người dân ở xã S, huyện S để hưởng lợi cá nhân 7.000.000 đồng.

(3). Nguyễn Văn T3, nguyên Phó Chủ tịch UBND xã S, huyện S, mặc dù chỉ được phân công phụ trách lĩnh vực văn hóa xã hội; không phải là thành viên Ban Chỉ đạo cấp Giấy chứng nhận QSDĐ xã S, không có thẩm quyền ký xác nhận vào hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận QSDĐ theo Dự án và theo thủ tục hành chính đất đai thông thường. Tuy nhiên, trong năm 2018, 2019, T3 đã ký xác nhận vào 48 hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận QSDĐ, trong đó có 16 hồ sơ do Trần Văn N2 ký ở mục cán bộ địa chính xã S, trong khi Năm đã chuyển công tác đến xã Đ, huyện S, không còn là công chức địa chính xã S từ tháng 11/2014; còn lại 32 hồ sơ do Đỗ Duy T5 ký xác nhận vào mục cán bộ địa chính xã S, trong khi T5 chỉ là Công chức địa chính xây dựng, không phải công chức địa chính đất đai xã S, nhưng T3 vẫn cố tình ký xác nhận vào mục "Đại diện UBND xã S" vào 48 hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận QSDĐ.

Với các hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Tiến D, Đào Thị T1, Nguyễn Văn T3 phạm tội "Giả mạo trong công tác" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 359 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan. Ngoài ra trong vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm còn xác định về hành vi phạm tội, quyết định về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Xuân Q, Nông Minh H, Đỗ Duy T5, Trần Văn N2, Mạc Đức T6, Nguyễn Tuấn H1; do các bị cáo này không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3] Về tính chất hành vi, vai trò của các bị cáo: Các bị cáo đều là người có chức vụ, quyền hạn liên quan đến kiểm tra, xác nhận và thẩm định hồ sơ đề nghị, ký phát hành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng các bị cáo đã cố ý làm sai chức trách nhiệm vụ của bản thân, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức làm cho cơ quan, tổ chức bị suy yếu, giảm lòng tin trong nhân dân, nên cần phải xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật hình sự và xử phạt các bị cáo với mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo nhằm giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Trong vụ án, các bị cáo Nguyễn Tiến D, Đào Thị T1 đều biết rõ 46 hồ sơ đề nghị cấp GCN được lập không đúng về trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về đất đai, nhưng vẫn ký thẩm định vào 46 hồ sơ đề nghị cấp GCN này và đẩy lùi thời gian ký thẩm định, thời gian lập Tờ trình UBND huyện S ký 46 GCN nhằm thể hiện hồ sơ được lập theo Dự án xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai xã S, huyện S, cũng như đảm bảo điều kiện cho Nông Minh H ký 46 GCN với danh nghĩa Phó Chủ tịch UBND huyện S, đều vì mục đích vụ lợi và vụ lợi cho người khác nên bị cáo Nguyễn Tiến D, Đào Thị T1 giữ vai trò cao nhất trong vụ án. Bị cáo Nguyễn Văn T3 là Phó Chủ tịch UBND xã S, được giao phụ trách lĩnh vực văn hóa xã hội và không phải là thành viên Ban Chỉ đạo cấp GCN xã S, nên bị cáo T3 không có thẩm quyền ký xác nhận vào hồ sơ đề nghị cấp GCN cả theo Dự án và theo thủ tục hành chính đất đai thông thường; bị cáo biết rõ việc thay mặt UBND xã S để ký xác nhận vào 48 hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận QSDĐ nêu trên là không đúng quy định, không đúng thẩm quyền, có thể dẫn đến hậu quả việc cấp 48 Giấy chứng nhận QSDĐ trái quy định, nhưng bị cáo T3 vẫn ký, bị cáo thực hiện hành vi vì động cơ vụ lợi cho người khác, nên bị cáo giữ vai trò giúp sức, thứ yếu trong vụ án. Quá trình xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã có sự đánh giá, phân hóa, xem xét tính chất, vị trí, vai trò mức độ tham gia của các bị cáo trong vụ án đồng phạm, đã xác định vị trí, vai trò của các bị cáo như nêu trên là có căn cứ.

[4] Về hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[4.1] Đối với các bị cáo Nguyễn Tiến D, Nguyễn Văn T3: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm các bị cáo đều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Bị cáo Nguyễn Tiến D, trong thời gian công tác có nhiều thành tích xuất sắc được cấp có thẩm quyền khen thưởng nhiều bằng khen; bố, mẹ bị cáo là người có công, được tặng thưởng nhiều huân, huy chương. Bị cáo Nguyễn Văn T3, trong thời gian công tác được tặng nhiều giấy khen, nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Tiến D; áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T3 là có căn cứ; các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S có Văn bản số 1682/CV-KTMT ngày 31/10/2024 về việc đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1

Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Nguyễn Tiến D, với lý do bị cáo Nguyễn Tiến D đã cung cấp nhiều thông tin có giá trị, giúp Cơ quan điều tra có cơ sở để đấu tranh làm rõ được hành vi vi phạm của đối tượng trong quá trình kiểm tra, xác minh về hành vi Giả mạo trong công tác xảy ra từ năm 2016 đến năm 2018 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Tuy nhiên, ngoài văn bản nêu trên, không có tài liệu chứng cứ kèm theo thể hiện rõ bị cáo cung cấp thông tin như thế nào? Ai là người có thẩm quyền tiếp nhận thông tin trình báo của bị cáo, kết quả giải quyết thông tin trình báo của bị cáo như thế nào? Nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không đủ cơ sở để xem xét áp dụng tình tiết này cho bị cáo. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, thái độ khắc phục hậu quả, đã quyết định xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến D 07 năm 06 tháng tù, bị cáo Nguyễn Văn T3 05 năm tù là tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đều không có thêm tình tiết mới làm cơ sở để xem xét, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm, như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa.

[4.2] Đối với bị cáo Đào Thị T1: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo đều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; gia đình bị cáo có công với cách mạng, bị cáo được tặng thưởng bằng khen vì có thành tích xuất sắc trong công tác và tích cực nộp lại tiền để khắc phục hậu quả của vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là có căn cứ; bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xuất trình các tình tiết mới gồm: Tài liệu thể hiện hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, có xác nhận của của UBND thị trấn S; bản thân bị cáo đang nuôi 02 con nhỏ đang trong độ tuổi đi học và phải chăm sóc bố, mẹ già yếu đều trên 80 tuổi; hiện nay bị cáo còn đang bị bệnh tiểu đường tuýp 2 (từ năm 2006 đến nay) sức khỏe yếu, liên tục phải dùng thuốc hàng ngày, kèm theo nhiều biến chứng, được Hội đồng giám định y khoa Sở Y tế tỉnh T xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể là 84%; quá trình công tác bị cáo có nhiều thành tích xuất sắc, được Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T tặng danh hiệu Lao động tiên tiến các năm 2015, 2017, danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở năm 2018, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường tặng Kỷ niệm chương năm 2021 vì sự nghiệp Tài nguyên và Môi trường; bị cáo còn tích cực tham gia các hoạt động thiện nguyên tại địa phương như ủng hộ nhân dân trên địa bàn huyện S bị ảnh hưởng bởi Bão số 3, được Ủy ban MTTQ huyện S gửi Thư cảm ơn; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, được áp dụng thêm cho bị cáo Đào Thị T1.

Hội đồng xét xử nhận định bị cáo Đào Thị T1 tuy cùng với bị cáo Nguyễn Tiến D có vai trò cao nhất trong vụ án nhưng bị cáo T1 là Phó Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện S nên thực hiện hành vi dưới quyền chỉ

đạo của bị cáo Nguyễn Tiến D, bản thân bị cáo T1 chỉ thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ, không trực tiếp ký xác nhận thẩm định 46 hồ sơ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ để trình người có thẩm quyền ký Giấy chứng nhận QSDĐ, bị cáo đã nộp lại toàn bộ số tiền hưởng lợi cá nhân, hiện sức khỏe bị suy giảm đáng kể (tổn thương cơ thể là 84%). Vì vậy, trên cơ sở nhận định xem xét, đánh giá tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các tình tiết mới tại phiên tòa phúc thẩm, cùng điều kiện hoàn cảnh của bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở xem xét chấp nhận kháng cáo để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Đào Thị T1 như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Tiến D, Nguyễn Văn T3 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Đào Thị T1 kháng cáo được chấp nhận, nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Tiến D, Nguyễn Văn T3; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2024/HS-ST ngày 21/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đối với các bị cáo Nguyễn Tiến D, Nguyễn Văn T3, cụ thể:

1.1. Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 359; điểm v, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 57, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Tiến D** 07 (bẩy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Giả mạo trong công tác". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 28/9/2023 đến ngày 05/5/2024.

Cấm bị cáo hành nghề, đảm nhiệm chức vụ quản lý trong lĩnh vực quản lý, đăng ký đất đai trong thời hạn 02 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

1.2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 359; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 57; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn T3** 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 28/3/2024.

2. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đào Thị T1; sửa Bản án hình sơ thẩm số 60/2024/HS-ST ngày 21/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang về hình phạt đối với bị cáo Đào Thị T1, cụ thể:

- Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 359; điểm b, v, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 57; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo **Đào Thị T1** 07 (bẩy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 04/7/2023 đến ngày 05/5/2024.

Cấm bị cáo hành nghề, đảm nhiệm chức vụ quản lý trong lĩnh vực quản lý, đăng ký đất đai trong thời hạn 02 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

3. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Tiến D, Nguyễn Văn T3, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Đào Thị T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Trại tạm giam Công tỉnh Tuyên Quang;
- Bị cáo (qua địa chỉ và qua Trại tạm giam);
- Lưu HSVA, P.HCTP.TANDCC Hà Nội.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Thị Thơm